**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TP.HCM KIỂM TRA HKII – NH: 2021– 2022**

**TRƯỜNG THCS, THPT NGUYỄN BỈNH KHIÊM MÔN ĐỊA LÝ – KHỐI 10**

**---------------------** Thời gian làm bài: 45 phút không kể thời gian phát đề

**ĐÁP ÁN 001**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CÂU** | **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** | **ĐIỂM** |
| **1** | **Trình bày vai trò chủ đạo của ngành công nghiệp trong nền kinh tế quốc dân**   * Sản xuất ra một khối lượng của cải vật chất lớn. * Cung cấp tư liệu sản xuất, xây dựng cơ sở vật chất kĩ thuật cho tất cả các ngành kinh tế. * Tạo ra sản phẩm tiêu dùng, nâng cao đời sống của người dân. * Thúc đẩy sự phát triển của các ngành kinh tế khác. * Tạo việc làm, tăng thu nhập cho người lao động. * Củng cố an ninh quốc phòng. * Chỉ tiêu để đánh giá trình độ phát triển của mỗi quốc gia. | **3**  0,5  0,5  0,5  0,5  0,25  0,25  0,5 |
| **2** | **a/ Vì sao công nghiệp dệt may là một trong những ngành chủ đạo và quan trọng của công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng.**   * Công nghiệp dệt may là ngành chủ đạo và quan trọng trong công nghiệp sx hàng tiêu dùng là vì :   + Giải quyết nhu cầu may mặc, sinh hoạt cho hơn 7 tỉ người trên thế giới.  + Phát triển công nghiệp dệt may sẽ thúc đẩy ngành nông nghiệp, ngành công nghiệp hóa chất.  + Tạo nhiều việc làm và thu nhập cho người lao động, nhất là lao động nữ.  **b/ Kể tên một số mặt hàng của ngành công nghiệp thực phẩm đang được tiêu thụ ở thị trường Việt Nam.**   * Bia , sữa tươi, nước giải khát , hải sản tươi đông lạnh, bánh kẹo, thịt bò khô, nem chả, xúc xích, dầu ăn, nước mắm, chà bông heo,…… | **2**  0,5  0,5  0,5  0,5 |
| **3** | **Nêu những đặc điểm chính của hình thức điểm công nghiệp và khu công nghiệp - Điểm công nghiệp.**     + Đồng nhất với một điểm dân cư. Không có mối liên hệ giữa các xí nghiệp  + Gồm 1 - 2 xí nghiệp nằm gần nguồn nguyên, nhiên liệu công nghiệp hoặc vùng nguyên liệu nông sản.  **- Khu công nghiệp.**  + Khu vực có ranh giới rõ rang , có vị trí thuận lợi (gần cảng biển, quốc lộ lớn, gần sân bay).  + Tập trung tương đối nhiều các xí nghiệp với khả năng hợp tác sản xuất cao.  + Sản xuất các sản phẩm vừa để tiêu dùng trong nước, vừa xuất khẩu.  + Các xí nghiệp dịch vụ hỗ trợ sản xuất công nghiệp. | **3**  0,5  0,5  0,5  0,5  0,5  0,5 |
| **4** | Cho bảng số liệu  TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG SẢN PHẨM THAN VÀ DẦU MỎ TRÊN THẾ GIỚI  THỜI KÌ 1950 – 2013  ( đơn vị %)   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Sản phẩm / năm | 1950 | 1960 | 1990 | 2010 | 2013 | | Than | 100 | 143 | 186 | 331 | 376 | | Dầu mỏ | 100 | 201 | 636 | 691 | 764 |   a) Vẽ biểu đồ thể hiện tốc độ tăng trưởng của sản phẩm than và dầu mỏ trên  thế giới thời kì 1950 – 2013.  b) Rút ra nhận xét.  \*Vẽ biểu đồ đường chính xác,đầy đủ có chú thích, tên biểu đồ, khoảng cách năm…  \*Nhận xét tốc độ tăng trưởng của than và dầu mỏ tăng và dầu mỏ tăng nhanh hơn than (dẫn chứng). | **2**  1,5  0,5 |

**HẾT**